



PHẦN CÔNG KHAI VỀ THU, CHI TÀI CHÍNH
 Kèm theo Báo cáo số 521/BC-CĐSP ngày 30/6/2025 của
 Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/Nhà đầu tư	39.207.041
II	Thu giáo dục và đào tạo	6.482.785
1	Học phí, lệ phí từ người học	2.985.900
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	
4	Thu khác	3.496.885
III	Thu khoa học và công nghệ	
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	
3	Thu khác	
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	38.474
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	
I	Chi lương, thu nhập	
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	14.183.661
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	1.355.879
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	
1	Chi cho đào tạo	
2	Chi cho nghiên cứu	
3	Chi cho phát triển đội ngũ	
4	Chi phí chung và chi khác	11.632.164
III	Chi hỗ trợ người học	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	12.055.380
2	Chi hoạt động nghiên cứu	
3	Chi hoạt động khác	
IV	Chi khác	
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	2.007.492

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ số thống kê	Học phí/1SV /năm học	Dự kiến Học phí/1SV /khóa học
1	Học phí chính quy các ngành cao đẳng giáo dục nghề nghiệp		
1.1	Khóa 2022	7.800.000	23.400.000
1.2	Khóa 2023	7.800.000	23.400.000
1.3	Khóa 2024	8.600.000	24.200.000
1.4	Khóa 2025	8.600.000	25.800.000
2	Học phí hệ liên thông ngành cao đẳng Giáo dục mầm non (VLVH)		
2.1	Khóa 18F	3.900.000	11.700.000
2.2	Khóa 19F	3.900.000	11.700.000
2.3	Khóa 20F	4.300.000	12.900.000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

3.1. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp đối với người học trong năm học 2024 - 2025

- Nghị định 116/2020/NĐ- CP ngày 25/09/2020 cho SV ngành sư phạm Cao đẳng Giáo dục Mầm non là: 11.928.180.000VNĐ

3.2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học trong năm học 2024 - 2025 theo Nghị định 81/2021/NĐ- CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học đối với cơ giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo cho sinh viên: 127.200.000 VNĐ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): 9.005.678.786 VNĐ

5. Việc thực hiện các nội dung công khai tài chính khác theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, dân chủ cơ sở: được thực hiện theo quy định chế độ kế toán hiện hành.